

Châu Thành, ngày 01 tháng 02 năm 2021

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212, 213 và Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 53/2021/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 01 năm 2021 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1. **Chị Trịnh Thị Kiều V**, sinh năm 1981;

2. **Anh Phạm Chí L** sinh năm 1978;

Cùng nơi cư trú: ấp A, xã H, huyện T, tỉnh Bến Tre.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về hôn nhân: Anh Phạm Chí L và chị Trịnh Thị Kiều V kết hôn vào năm 2003, hôn nhân do anh chị tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện N, tỉnh Đồng Tháp vào ngày 22/5/2003, đây là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng có bất đồng về quan điểm, tính tình không phù hợp nên cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc, hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, hai bên đã ly thân từ năm 2016 đến nay. Nay anh L và chị V cùng xác định tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh chị thuận tình ly hôn. Do đó, có căn cứ công nhận cho anh L và chị V thuận tình ly hôn theo quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2] Về con chung: Anh L và chị V có 01 con chung tên Phạm Chí Đ, sinh ngày 30 tháng 5 năm 2005. Sau khi ly hôn, chị V trực tiếp nuôi con chung; chị V không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Anh L và chị V cùng khai là không có nên Tòa án không xem xét.

[4] Lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) Anh L và chị V phải chịu.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Phạm Chí L và chị Trịnh Thị Kiều V.

- Về con chung: Giao con chung tên Phạm Chí Đ, sinh ngày 30 tháng 5 năm 2005 cho chị V trực tiếp nuôi dưỡng; ghi nhận việc chị V không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con mà không ai được cản trở. Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Anh L và chị V cùng khai là không có nên ghi nhận.

2. Lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) anh L và chị V phải chịu nhưng anh chị thỏa thuận trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) mà anh chị đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004876 ngày 13 tháng 01 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre. Đương sự đã nộp đủ lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Phòng KTNV TA tỉnh Bến Tre;
- UBND xã T, huyện N, tỉnh Đồng Tháp;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

THẨM PHÁN
(Đã ký tên và đóng dấu)

Nguyễn Thị Ngọc Huyền